

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST

Ngày: 24/6/2022

Vụ án “T/C Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thanh Hương

2. Bà Hồ Thị Kim Luyện

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Võ An Trinh, Thư ký tòa án nhân dân quận N.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST- DS, ngày 13 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Mai Minh K**, sinh năm 1970

ĐKTT: quận T, TP Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà **Lê Ngọc A** và bà **Đoàn Thị Diễm T**, theo Văn bản ủy quyền ngày 24/01/2020.

Địa chỉ: Quận C, thành phố Cần Thơ. (Bà Diễm Trinh có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

*Bị đơn:* 1. Ông **Đỗ Quốc H**, sinh năm 1982

2. Bà **Trương Thị Thùy D**, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ. (Các bị đơn vắng mặt không lý do)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Vũ P**, sinh năm 1980

2. Bà **Trần Kim Th**, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: quận B, thành phố Cần Thơ. (ông P và bà Th có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện cho nguyên đơn trình bày như sau:** Vào năm 2019, do quen biết nên nguyên đơn có cho bị đơn Đỗ Quốc H mượn số tiền 60.000.000 đồng để mua xe ô tô có biển số kiểm soát 64A-02373 và bị đơn Hùng hẹn sẽ trả lại cho nguyên đơn vào ngày 14/01/2020. Sau khi thống nhất hai bên đã

lập biên bản nhận tiền ngày 14/11/2019. Khi mua được xe, bị đơn giao chiếc xe trên cho nguyên đơn giữ để làm tin.

Sáng ngày 19/11/2019, ông H có cung cấp thêm cho nguyên đơn 01 giấy ủy quyền do ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị H (chủ sở hữu của xe ô tô 64A-023.73), nội dung, ủy quyền cho ông H có toàn quyền định đoạt xe trên. Và nói rằng ông H sẽ bán xe cho nguyên đơn để trừ số tiền đã nợ trước đó, nguyên đơn đồng ý. Ông H yêu cầu nguyên đơn đặt cọc số tiền 185.000.000 đồng cho ông H để ông thanh toán cho chủ cũ, sau đó sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho nguyên đơn.

Sau đó ông H nói ông đã thỏa thuận bán xe cho vợ chồng anh Nguyễn Vũ P và chị Trần Kim Th với giá cao hơn, sau khi bán xe cho hai người này ông H sẽ thanh toán tiền cho nguyên đơn, nên nhờ nguyên đơn giao các giấy tờ để ông H thực hiện thủ tục sang tên cho chị Th.

Chiều cùng ngày 19/11/2019, ông H tiếp tục mượn thêm 185.000.000 đồng, nói là để hoàn tất việc chuyển nhượng xe với chủ cũ, do xe còn thế chấp ngân hàng. Sau khi thỏa thuận, ông H và bà D vợ ông H lập biên bản nhận tiền ngày 19/11/2019, hẹn đến ngày 19/01/2020 sẽ trả lại cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, sau khi hoàn tất thủ tục với chị Th thì các bị đơn không trả tiền mà cắt mọi liên lạc với nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 430.000.000 đồng và lãi xuất theo quy định kể từ ngày 05/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

*Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông P và bà Th trình bày tại bản tự khai ngày 08/6/2021 như sau:* Ông bà có mua chiếc xe ô tô biển số 64A-023.73, nhãn hiệu Toyota loại xe ô tô con của ông Nguyễn Văn Bé Ba và bà Lê Thị Hường thông qua ông Đỗ Quốc H, theo hợp đồng ủy quyền được văn phòng công chứng 24H, công chứng ngày 14/11/2019, số công chứng 8010; hợp đồng mua bán xe được công chứng tại văn phòng công chứng Trần Văn Thanh, công chứng ngày 09/3/2020, số công chứng 854; ông bà mua xe với giá 400.000.000 đồng, sau khi thanh toán cho ông H xong, ông bà đã đi đăng ký xe và được cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Việc ông H mượn tiền ông K thì ông bà có biết, vì sau khi thỏa thuận mua xe, ông P đến gặp ông H để giao tiền, lúc đó có gặp ông K. Dòng chữ “19/1/2020, tôi Nguyễn Vũ P có trả cho ông H 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng) tiền mua xe cho K” là do tôi – Vũ P ghi vì các bên dự định thỏa thuận tôi sẽ trả tiền cho ông K thay ông H. Như sau đó không thỏa thuận được và thấy phiền nên ông P chỉ thỏa thuận trả tiền cho ông H để mua xe, còn vấn đề của ông K và ông H thì ông không biết.

Ông P và bà Th yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ kiện nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án nhân dân quận N tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Vụ án được xét xử công khai.

***Tại phiên tòa:***

- Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

Đối với hai biên nhận tiền, số tiền vay, thời hạn, lãi xuất đã rõ; riêng với ‘Giấy biên nhận đặt cọc xe’ cùng ngày 19/11/2019, đại diện nguyên đơn trình bày, bản chất của việc đặt cọc (cầm) xe cũng là quan hệ vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Do bị đơn và nguyên đơn quen biết nhiều năm, bị đơn còn nợ tiền nguyên đơn trước đó, đồng thời nguyên đơn cũng có kinh doanh dịch vụ cầm, mua bán xe nên đối với biên nhận đặt cọc xe, các bên không ghi cụ thể mà chỉ ghi nhận số tiền là 185.000.000 đồng. Về chữ viết trên biên nhận, phía thông tin bị đơn là do anh Hùng tự ghi, phần thông tin anh K và số tiền là do anh K ghi, sau đó cả hai cùng ký tên xác nhận. Dòng chữ ghi “19/1/2020, tôi Nguyễn Vũ P có trả cho ông H 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng) tiền mua xe cho K” là do anh P ghi, nhưng sau đó không thỏa thuận được, nên anh P không có thanh toán tiền cho anh K.

Do các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoàn lại tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn là ông H và bà D phải thanh toán tiền gốc là 430.000.000 đồng và lãi xuất phát sinh theo quy định từ ngày 05/01/2021 đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính là 493.040.000 đồng, trong đó 430.000.000 nợ gốc và lãi suất là 63.040.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt không lý do nên không rõ ý kiến.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Sau khi nghe lời trình bày của đương sự có mặt; nghe chủ tọa công bố chứng cứ và những chứng cứ có tại hồ sơ.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và công bố chứng cứ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo luật định. Những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên Tòa án còn vi phạm thời hạn xét xử.

Đối với quan hệ tranh chấp Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” là đúng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án đã thu thập và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Kiểm sát viên có ý kiến cho rằng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 430.000.000 đồng và lãi xuất theo quy định kể từ ngày 05/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm là đúng; tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thì cần xét lại nghĩa vụ trả nợ của các bị đơn.

Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 430.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 05/01/2021 cho đến ngày khi tất nợ.

Trách nhiệm trả của từng bị đơn như sau: Bị đơn là Đỗ Quốc H phải trả cho nguyên đơn số tiền 245.000.000 (hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng và lãi suất

phát sinh 10%/năm đối với số tiền trên từ ngày 05/01/2021 cho đến khi tất nợ. Các bị đơn ông Đỗ Quốc H và bà Trương Thị Thùy D phải trả cho nguyên đơn số tiền 185.000.000 (Một trăm tám mươi lăm triệu) đồng và lãi suất phát sinh 10%/năm đối với số tiền trên từ ngày 05/01/2021 cho đến khi tất nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:**

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ của các bị đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân quận N theo Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng vẫn liên tục vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông Đỗ Quốc H và bà Trương Thị Thùy D đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng. Ông H và bà D phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án giải quyết vụ kiện theo các chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1 Đối với yêu cầu buộc các bị đơn là ông H và bà D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 430.000.000 đồng:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, xét:

Các biên nhận tiền ngày 14/11/2019 và biên nhận tiền ngày 19/11/2019 có thể hiện rõ nội dung vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, tổng số tiền là 245.000.000 đồng, có ghi nhận thời hạn hoàn vốn cho bên cho vay.

Đối với ‘Giấy biên nhận đặt cọc xe’ cùng ngày 19/11/2019, căn cứ vào lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn và các chứng cứ khác cho thấy mặc dù có sự chưa rõ ràng đối với việc cầm hay đặt cọc xe, tuy nhiên bị đơn là ông H và nguyên đơn đều có ký ghi tên xác nhận ông K đã đặt cọc đủ 185.000.000 đồng, như vậy yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền 185.000.000 đồng của nguyên đơn theo biên nhận này là có cơ sở xem xét.

Nguyên đơn yêu cầu hoàn trả tổng số tiền vay là 430.000.000 đồng là có cơ sở.

Tuy nhiên, về nghĩa vụ hoàn trả, hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Trương Thị Thùy D chỉ ghi nhận là người chứng kiến và bảo lãnh trách nhiệm theo hợp đồng tại Biên nhận tiền ngày 19/11/2019, số tiền vay là 185.000.000 đồng; còn lại Các biên nhận tiền ngày 14/11/2019 và ‘Giấy biên nhận đặt cọc xe’ ngày 19/11/2019 là giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn Đỗ Quốc H. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Đỗ Quốc H và bà Trương Thị Thùy D có trách nhiệm trả số tiền vay 430.000.000 đồng là chưa đúng.

Các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả tiền cho nguyên đơn, tuy nhiên cá nhân ông Đỗ Quốc H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 245.000.000 đồng; ông Quốc H và bà Thùy D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 185.000.000 đồng.

## 2.2 Đối với yêu cầu đòi nợ lãi:

Hội đồng xét xử thấy rằng tại các biên nhận tiền có ghi nhận lãi suất, nhưng không ghi nhận cụ thể, chỉ ghi hai bên tự thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày 05/01/2021 là ngày ghi trên đơn khởi kiện, là có lợi cho các bị đơn. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 05/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm là có cơ sở xem xét

Như vậy, các bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lãi suất phát sinh do chậm trả cho nguyên đơn, cụ thể là:

Ông Đỗ Quốc H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 245.000.000 đồng và lãi xuất phát sinh từ ngày 15/01/2021 đến ngày 23/6/2022 là 35.918.000 (Ba mươi lăm triệu chín trăm mười tám nghìn) đồng.

Ông Đỗ Quốc H và bà Thùy D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 185.000.000 đồng và lãi xuất phát sinh từ ngày 05/01/2021 đến 23/6/2022 là 27.122.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm và các chi phí khác:

Bị đơn ông H và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn còn phải chịu chi phí đăng thông báo trên P tiền truyền thông đại chúng. Nguyên đơn đã tạm ứng trước chi phí đăng thông tin. Tại phiên tòa, diện nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán lại số tiền đăng báo; chỉ yêu cầu các bị đơn thanh toán lại số tiền 1.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 18/5/2022 của Cơ quan thường trú đài tiếng nói Việt Nam tại TP.HCM, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Minh K đối với bị đơn ông Đỗ Quốc H và bà Trương Thị Thùy D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

2. Buộc bị đơn là Đỗ Quốc H phải trả cho nguyên đơn số tiền 280.918.000 (hai trăm tám mươi triệu một trăm chín mươi tám nghìn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc 245.000.000 (Hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

- Nợ lãi là 35.918.000 (Ba mươi lăm triệu chín trăm mười tám nghìn) đồng.

Buộc các bị đơn ông Đỗ Quốc H và bà Trương Thị Thùy D phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 212.122.000 (Hai trăm mười hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

- Nợ lãi là 27.122.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn Đỗ Quốc H phải chịu 14.045.900 (mười bốn triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Đỗ Quốc H và bà Trương Thị Thùy D phải chịu 10.606.100 (mười triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn một trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn 1.000.000 đồng (một triệu đồng) chi phí đăng thông báo theo phiếu thu ngày 18/5/2022 của Cơ quan thường trú đài tiếng nói Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn được nhận lại 10.600.000 (Mười triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 003810, ngày 23/3/2021 tại Chi cục thi hành án quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thanh Hương   Hồ Thị Kim Luyến   Nguyễn Thị Thùy Linh**

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Linh**